

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH
Năm 2016



Tháng 4 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG	3
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	3
2. Cơ cấu tổ chức Công ty.....	5
3. Thông tin cổ phiếu; Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	6
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng.....	8
5. Hoạt động kinh doanh.....	10
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ba năm gần nhất.....	13
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.....	14
8. Chính sách với người lao động.....	15
8.1. Số lượng người lao động trong Công ty và cơ cấu lao động.....	15
8.2. Chính sách đối với người lao động.....	15
9. Chính sách cổ tức.....	17
10. Tình hình tài chính.....	17
10.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản.....	17
10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty.....	19
11. Tài sản.....	20
12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức dự kiến năm tiếp theo.....	21
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty.....	23
14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	23
15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty (nếu có).....	25
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY	25
1. Hội đồng quản trị.....	25
2. Ban kiểm soát.....	32
3. Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý.....	41
III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016 (ĐÃ KIỂM TOÁN)	46

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung

Tên doanh nghiệp	: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH
Tên tiếng Anh	: QUANG NINH MINERAL WATER CORPORATION
Tên viết tắt	: QNWCORP
Trụ sở chính	: Tổ 3A, Khu 4, Phố Suối Mơ, Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
Vốn điều lệ đăng ký	: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng)
Vốn điều lệ thực góp	: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng)
Điện thoại	: 033 3844196
Fax	: 033 3847311
Email	: nuockhoangquangninh@yahoo.com.vn
Website	: http://nuockhoangquangninh.com.vn/

Logo



Người đại diện pháp luật : Nguyễn Thiệu Nam – Chủ tịch hội đồng quản trị

Ngày chính thức trở thành công ty đại chúng: 15/04/2016 (theo Công văn số 1952/UBCK-GSĐC ngày 15/4/2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước)

Giấy đăng ký kinh doanh : Số 5700379618 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01/09/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 25/12/2015

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán buôn đồ uống

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân của Công ty là Xí nghiệp Nước khoáng Quảng Ninh, được thành lập ngày 17/7/1989 theo Quyết định số 381/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ninh và trực thuộc Tỉnh ủy Quảng Ninh quản lý.
- Năm 1993, Xí nghiệp nước khoáng Quảng Ninh được sáp nhập vào Công ty Duyên Hải Quảng Ninh theo quyết định số 1396/QĐ-UB ngày 15/7/1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh và trở thành một đơn vị thành viên của Công ty Duyên Hải Quảng Ninh trực thuộc Văn Phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh quản lý.
- Năm 2002, Xí nghiệp nước khoáng Quảng Ninh được tách ra và đổi tên thành Công ty Nước khoáng Quảng Ninh theo quyết định số 463/QĐ-UB ngày 28/1/2002 và trực thuộc Tỉnh ủy Quảng Ninh quản lý.
- Năm 2004 Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Nước khoáng Quảng Ninh theo quyết định số 2492/QĐ-UB ngày 26/7/2004 và trực thuộc văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh quản lý.
- Năm 2006 Công ty TNHH một thành viên Nước khoáng Quảng Ninh được đổi tên thành Công ty TNHH một thành viên Nước khoáng và Thương mại Dịch vụ Quảng Ninh theo quyết định số 32 – QĐ/VPTU ngày 10/01/2006 của Văn phòng Tỉnh Ủy Quảng Ninh.
- Ngày 19/10/2015, Tỉnh ủy Quảng Ninh phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên Nước khoáng và Thương mại, Dịch vụ Quảng Ninh thành công ty cổ phần tại Quyết định số 03-QĐ-TU. Vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng).
- Ngày 02/12/2015 Công ty đã phối hợp với CTCP Chứng khoán Bản Việt thực hiện bán đấu giá công khai thành công 159.100 cổ phần (chiếm 1,99% vốn điều lệ) tại CTCP Chứng khoán Bản Việt (do tổng giá trị chào bán theo mệnh giá dưới 10 tỷ đồng) với giá khởi điểm 11.100 đồng/cổ phần. Giá đấu thành công cao nhất: 13.500 đồng/cổ phần, giá đấu thành công thấp nhất: 11.100 đồng/cổ phần, giá đấu thành công bình quân: 11.421 đồng/cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

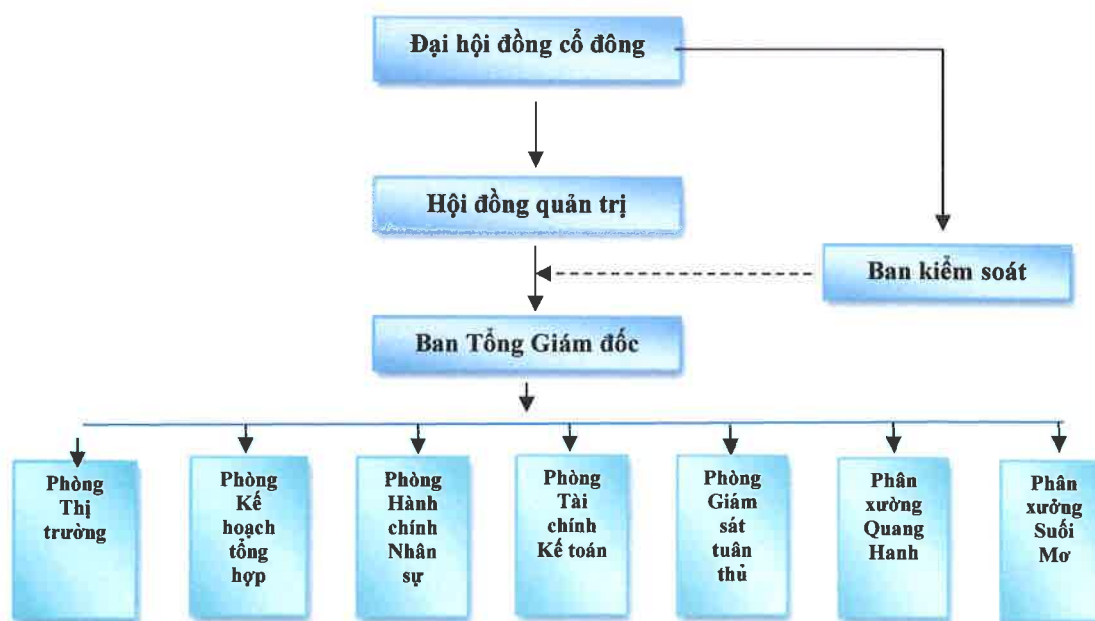
- Ngày 22/12/2015, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Công ty cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần vào ngày 25/12/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700379618 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp với vốn điều lệ 80 tỷ đồng.
- Ngày 22/12/2016: Công ty chính thức đăng ký giao dịch trên Hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (“UpCom”) do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tổ chức.

1.3. Quá trình tăng vốn

Kể từ khi hoạt động dưới hình thức là công ty cổ phần cho đến nay Công ty không tăng vốn, vốn điều lệ hiện tại là 80.000.000.000 đồng.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Hình: Cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh



⚡ Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty cổ phần.

⚡ Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

👇 **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.

👇 **Ban Tổng giám đốc:**

Ban Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

👇 **Phòng kế hoạch**

Tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc Công ty về công tác: Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn và dài hạn. Là cầu nối giữa nhu cầu thị trường và các bộ phận trong toàn Công ty. Đánh giá và đề xuất đầu tư nguồn lực(trang thiết bị máy móc) cho KHKD dài hạn.

👇 **Phòng thị trường**

Tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc Công ty về công tác: Xây dựng, quản lý hệ thống phân phối; Phát triển mối quan hệ khách hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; Tổ chức tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

👇 **Phòng Hành chính nhân sự**

Tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc Công ty trong công tác quản lý sử dụng lao động, tiền lương và công tác văn thư hành chính.

👇 **Phòng Tài chính Kế toán**

Tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực hiện công tác kế toán, thống kê, kiểm toán và thanh quyết toán nội bộ.

👇 **Phòng Giám sát tuân thủ**

Tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc Công ty về quản lý và điều hành công tác chất lượng sản phẩm.

👇 **Phân xưởng Quang Hanh, Phân xưởng Suối Mơ**

Tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất, đảm bảo an toàn lao động, chất lượng sản phẩm.

3. Thông tin cổ phiếu; Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

👇 **Cổ phiếu:**

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- Mã cổ phiếu : QHW
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phiếu : 8.000.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành : 8.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị theo mệnh giá : 80.000.000.000 đồng
- Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 1.820.900 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng:

STT	Đối tượng bị hạn chế chuyển nhượng	Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Thời điểm bắt đầu hạn chế chuyển nhượng	Thời gian hạn chế (đến ngày)	Lý do hạn chế
1	Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage - cổ đông chiến lược	5.254.100	25/12/2015	25/12/2020	Hạn chế chuyển nhượng theo điểm c, khoản 3, điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP
2	Công đoàn Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	128.000	25/12/2015	Không được chuyển nhượng	Hạn chế chuyển nhượng theo điểm c, khoản 2, điều 36 Nghị định 59/2011/NĐ-CP
3	Cán bộ, công nhân viên Công ty	797.000	25/12/2015	Tùy theo số năm cam kết mua cổ phần	Hạn chế chuyển nhượng theo khoản 2, điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP (chi tiết theo Danh sách người sở hữu chứng khoán chuyển nhượng có điều kiện)
	Tổng cộng	6.179.100			

📌 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

STT	Tên cổ đông	GCNĐKKD	Địa chỉ/Trụ sở	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
01	Công ty TNHH MTV Masan Beverage	0312797567	Tầng 12, tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	5.254.100	65,7%

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

STT	Tên cổ đông	GCNĐKKD	Địa chỉ/Trụ sở	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
02	Tỉnh ủy Quảng Ninh		Số 73 Nguyễn Văn Cừ - Hồng Hà - Hạ Long - Quảng Ninh	1.152.900	14,4%
Tổng cộng				6.407.000	80,1%

👉 **Cổ đông sáng lập:** Không có

👉 **Cơ cấu cổ đông**

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Số cổ phần nắm giữ	% Tỷ lệ sở hữu/ Vốn điều lệ
I	Cổ đông trong nước	524	8.000.000	100%
1	Cá nhân	521	1.519.100	19%
2	Tổ chức	3	6.480.900	81%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
1	Cá nhân	0	0	0%
2	Tổ chức	0	0	0%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
Tổng cộng		524	8.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 07/11/2016 của CTCP Nước khoáng Quảng Ninh

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng

👉 Công ty mẹ:

- Tên công ty: Công ty TNHH MTV Masan Beverage
- Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 08 62555660
- Fax: 08 38109463

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số 0312797567 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 5 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Tỷ lệ góp vốn thực tế tại Công ty: 65,7% vốn điều lệ
- Hoạt động kinh doanh chính:
 - Bán buôn đồ uống không có cồn
 - Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
 - Sản xuất nước chiết từ rau quả
 - Sản xuất đồ uống từ sữa
 - Sản xuất hương liệu các loại
 - Sản xuất thực phẩm khác (cà phê, chè và các sản phẩm pha kèm, sản xuất thực phẩm bổ sung vi chất, thực phẩm chức năng dạng lỏng, dạng uống)
 - Bán buôn thực phẩm: bán buôn nước rau ép, nước quả ép; bán buôn đồ uống từ sữa, ngũ cốc, bột, tinh bột; bán buôn các sản phẩm cà phê, chè; thực phẩm bổ sung vi chất, thực phẩm chức năng dạng lỏng, dạng uống; bán buôn nguyên liệu, phụ gia thực phẩm
 - Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống
 - Bán lẻ nước rau ép, nước quả ép; đồ uống từ sữa, các sản phẩm cà phê, chè; thực phẩm bổ sung vi chất, thực phẩm chức năng dạng lỏng, dạng uống
 - Bán lẻ đồ uống không có cồn
 - Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống lưu động hoặc tại chợ
 - Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)
 - Quảng cáo
 - Tổ chức hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm (trừ các hoạt động trong lĩnh vực có sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất...làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, phim, ảnh...)
 - Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận
 - Đại lý, môi giới
- 👉 Công ty con của Công ty đại chúng: Không có.
- 👉 Công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có.
- 👉 Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage (thông tin trình bày tại phần Công ty mẹ)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Sản phẩm, dịch vụ chính

Công ty cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh chủ yếu sản xuất và kinh doanh nước khoáng được khai thác từ nguồn suối khoáng tại Quảng Ninh. Sản phẩm sản xuất chính hiện nay của Công ty bao gồm: dòng sản phẩm khoáng mặn (Nước khoáng thiên nhiên Quang Hanh) và dòng sản phẩm nước khoáng có hàm lượng khoáng thấp (Nước khoáng thiên nhiên Suối Mơ). Ngoài ra, Công ty còn cung cấp nước uống đóng bồn và nước máy sinh hoạt bằng nguồn nước Suối Mơ.

Đối với dòng nước khoáng mặn thiên nhiên nhãn hiệu Quang Hanh, Công ty sản xuất 03 loại sản phẩm bao gồm: chai nhựa 500ml, nước khoáng Faith vị Chanh Muối, và nước khoáng Blizka vị Mơ muối. Nhóm sản phẩm nước uống đóng chai nhãn hiệu Suối Mơ gồm 05 loại sản phẩm là: loại 330ml, loại 500ml, loại 1500ml, bình 2GL và bình 5GL.

TT	Loại sản phẩm	Mô tả/Đặc điểm
I	Nước khoáng thiên nhiên Quang Hanh	
1	Nước khoáng Quang Hanh – Chai nhựa 500ml	Công nghệ sản xuất: Theo công nghệ tiên tiến của Mỹ. Hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 :2008 và HACCP 2003 Sản phẩm của Công ty đã đạt: Huy chương vàng Hội chợ Quốc tế về Thực Phẩm và đồ uống VN – 2003. Chứng nhận sản phẩm đạt danh hiệu: Nhãn hiệu cạnh tranh Quốc gia năm 2006, Thương hiệu có uy tín tên thị trường và nhiều năm liên tục được công nhận là Hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

- 2 Nước khoáng Quang Hanh –
Faith vị Chanh muối



Bao gói:

Sản phẩm nước Nước khoáng thiên nhiên Quang Hanh được đóng bằng các loại bao bì: Loại chai nhựa 500ml 500ml: 24chai/Hộp và 20chai/Hộp.
Loại Faith và Blizka 355ml: 24chai/Hộp

- 3 Nước khoáng Quang Hanh –
Blizka vị Mơ muối



II Nước uống đóng chai Suối Mơ

- 1 Nước uống đóng chai Suối Mơ -
Chai 330ml



Công nghệ sản xuất:

Theo công nghệ tiên tiến của Mỹ
Hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 : 2008 và HACCP - CODE 2003





Sản phẩm đã được công nhận:

Huy chương vàng Hội chợ Quốc tế về Thực Phẩm và đồ uống VN – 2003.

Chứng nhận sản phẩm đạt danh hiệu: Nhãn hiệu cạnh tranh Quốc gia năm 2006, Thương hiệu có uy tín tên thị trường

- 2 Nước uống đóng chai Suối Mơ -
Chai 500ml

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

	<p>và nhiều năm liên tục được công nhận là Hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn</p> <p>Chủng loại sản phẩm - bao gói: Loại chai nhựa 1.500ml: 12 chai/hộp Loại chai nhựa 500ml: 24 chai/hộp Loại chai nhựa 330ml: 35 chai/hộp</p>
<p>3 Nước uống đóng chai Suối Mơ - Chai 1.500 ml</p> 	<p>Loại bình 2 gallon: Tương đương 7,56 lít. Có vòi rót, rất tiện lợi cho các chuyến du lịch, trong bệnh viện. Loại bình 5 gallon: Tương đương 18,9 lít. Gồm loại có van mở rất tiện lợi để dùng cho gia đình và loại không có vòi rót dùng cho máy nóng lạnh chuyên dùng. Ngoài ra Công ty còn cung cấp nước được đựng bằng Téc chuyên dụng cho trường học, khu công nghiệp và nước sinh hoạt cung cấp cho các khách sạn</p>
<p>4 Nước uống đóng chai Suối Mơ - Bình 2GL</p> 	<p>5 Nước uống đóng chai Suối Mơ - Bình 5GL</p> 

5.2. Doanh thu, lợi nhuận Công ty qua các năm

Bảng: Doanh thu thuần qua các năm

DVT: Triệu đồng

	Giai đoạn 01/01/2015 - 24/12/2015		Giai đoạn 25/12/2015 - 31/12/2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT
Doanh thu thuần bán hàng	374.539	100%	0	-	375.576	100%
Doanh thu khác	0	0	0	-	0	0
Tổng cộng	374.539	100%	0	-	375.576	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn 01/01/2015-24/12/2015 của Công ty TNHH MTV Nước khoáng và TMDV Quảng Ninh, BCTC kiểm toán giai đoạn 25/12/2015-31/12/2015 và BCTC kiểm toán năm 2016 của CTCP Nước khoáng Quảng Ninh

Bảng: Lợi nhuận gộp qua các năm

ĐVT: Triệu đồng

	Giai đoạn 01/01/2015 – 24/12/2015		Giai đoạn 25/12/2015 – 31/12/2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT
Lợi nhuận gộp	96.655	25,8%	0	-	120.260	32 %
Tổng cộng	96.655	25,8%	0	-	120.260	32%

Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn 01/01/2015-24/12/2015 của Công ty TNHH MTV Nước khoáng và TMDV Quảng Ninh, BCTC kiểm toán giai đoạn 25/12/2015-31/12/2015 và BCTC kiểm toán năm 2016 của CTCP Nước khoáng Quảng Ninh

Lưu ý: Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015, Công ty không có doanh thu và không phát sinh giá vốn hàng bán, do vậy doanh thu thuần và lợi nhuận gộp giai đoạn này bằng 0.

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ba năm gần nhất

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2014	Giai đoạn 01/01/2015 – 24/12/2015	Giai đoạn 25/12/2015 – 31/12/2015 (*)	Năm 2016	% tăng giảm 2016/2015
Tổng giá trị tài sản	128.676	214.030	211.918	157.400	-25,73
Vốn chủ sở hữu	78.246	85.266	80.209	112.956	40,83
Doanh thu thuần	359.132	374.539		375.576	0,28
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	23.910	32.360	43	40.574	25,22
Lợi nhuận khác	1.843	414	-	1.220	194,44
Lợi nhuận trước thuế	25.753	32.775	43	41.974	27,35
Lợi nhuận sau thuế	20.081	25.340	33	33.402	31,33
Giá trị sổ sách 01 cổ phần (đồng/cổ phần)				14.120	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC kiểm toán giai đoạn 01/01/2015-24/12/2015 của Công ty TNHH MTV Nước khoáng và TMDV Quảng Ninh, BCTC kiểm toán giai đoạn 25/12/2015-31/12/2015 và BCTC kiểm toán năm 2016 của CTCP Nước khoáng Quảng Ninh

() Do giai đoạn 25/12/2015-31/12/2015 Công ty không có Doanh thu thuần, Giá trị sổ sách nên không tính các chỉ tiêu này.*

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Trên thị trường hiện có nhiều sản phẩm có nguồn gốc từ nước khoáng thiên nhiên như Quang Hanh, Cúc Phương, Vital, Vĩnh Hảo... Các hình thức phân phối, khuyến mại, xúc tiến bán hàng khá đa dạng tạo lên áp lực cạnh tranh cao. Tuy nhiên đánh giá về lợi thế và tiềm năng, Công ty nước khoáng Quảng Ninh có những ưu điểm tạo nên vị thế cao trong ngành.

Hiện Công ty đang quản lý và khai thác sản xuất kinh doanh tại 03 Lỗ khoan đều là các mỏ nước khoáng Thiên nhiên do Bộ tài nguyên môi trường quản lý - Cục khai thác khoáng sản cấp phép. Trữ lượng và thời gian được cấp quyền khai thác đủ điều kiện gia tăng sản lượng mục tiêu và phát triển mở rộng thị phần tiêu thụ trong và ngoài nước.

Các mỏ khoáng của Công ty có trữ lượng cao, thành phần khoáng chất đa dạng, phù hợp cho sản xuất đồ uống tiêu dùng. Đặc biệt nguồn nước khoáng Thiên nhiên Quang Hanh có hàm lượng muối khoáng cao được các nhà khoa học đánh giá riêng có bậc nhất khu vực Đông Nam Á. Các nguồn nước khoáng do Công ty quản lý khai thác có đủ điều kiện và đã tạo lên sự khác biệt so với các sản phẩm đồng dạng khác trong ngành.

Công ty có 11.583 m² mặt bằng công nghiệp trong đó trên 400 m² nhà xưởng cùng hệ thống máy móc đủ điều kiện sản xuất trên 70 triệu lít nước khoáng các loại trên năm. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật lành nghề, làm chủ thiết bị công nghệ hiện có và có đủ khả năng tiếp nhận công nghệ mới, vận hành thiết bị hiện đại theo xu thế phát triển ngành.

Đặc biệt hiện Công ty đã đăng ký bản quyền riêng 06 nhãn hiệu hàng hóa trong đó có nhiều nhãn hiệu có uy tín cao trong ngành và được người tiêu dùng tin yêu lựa chọn sử dụng.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Thị trường tiêu thụ do Công ty trực tiếp cung cấp hiện mới có tại 26 tỉnh thành từ Quảng Bình trở ra phía Bắc, với hệ thống tiêu thụ gần 1.000 đại lý và nhà phân phối. Nhưng hệ thống phân phối mới chỉ được hoàn thiện cơ bản tại 10 tỉnh thành khu vực thị trường truyền thống. Các sản phẩm của Công ty đều được sản xuất theo hai hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn quốc tế HACCP và ISO 9001: 2008, tại nguồn các mỏ khoáng có những tính chất riêng phù hợp với xu thế tiêu

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

dùng trong hiện tại và tương lai. Đặc biệt các sản phẩm sản xuất tại lỗ khoan số 4 – Quang Hanh có hàm lượng khoáng hóa cao nhận được các nhà chuyên môn đánh giá cao.

Có thể khẳng định các sản phẩm của công ty đều có đủ các điều kiện và đã trở thành thương hiệu mạnh được tin dùng trong toàn quốc và xuất khẩu ra nước ngoài. Ta có thể thấy được thị trường của Công ty còn nhiều tiềm năng phát triển mở rộng và nâng cao sản lượng tiêu thụ.

8. Chính sách với người lao động

8.1. Số lượng người lao động trong Công ty và cơ cấu lao động

Tính đến thời điểm 31/12/2016, tổng số cán bộ công nhân viên chính thức của Công ty là 491 người. Cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn và theo phân công lao động như sau:

Yếu tố	Tổng số	Tỷ lệ (%)
Tổng số lượng người lao động	491	100%
- Trên Đại học	1	0,2%
- Đại học	106	21,6%
- Cao đẳng	38	7,7%
- Trung cấp	50	10,2%
- Lao động phổ thông	296	60,3%

8.2. Chính sách đối với người lao động

8.2.1. Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Thời giờ làm việc bình thường của mỗi CBCNV không quá 08 giờ trong 01 ngày, 48 giờ trong 01 tuần (đối với người lao động làm các công việc không đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm).

Người sử dụng lao động có quyền quy định làm việc theo giờ hoặc ngày hoặc tuần; trường hợp theo tuần thì thời giờ làm việc bình thường không quá 10 giờ trong 01 ngày, nhưng không quá 48 giờ trong 01 tuần (đối với người lao động làm các công việc không đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm).

Công ty luôn đảm bảo để người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Pháp luật như: nghỉ phép, ốm, thai sản, hưu, trợ cấp thôi việc,

8.2.2. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Hàng năm Công ty sẽ lập kế hoạch cụ thể về việc tổ chức bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

Công ty có thể kết hợp đào tạo tại chỗ (đào tạo thực hành) với gửi đi đào tạo hoặc mở lớp mời thầy (đào tạo lý thuyết) đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt, cán bộ kỹ thuật, nhân viên marketing, nhân viên bán hàng; để nâng cao và có đủ năng lực, trình độ, am hiểu về công nghệ sản xuất, các kiến thức pháp luật về kinh doanh, thương mại quốc tế đáp ứng yêu cầu phát triển của doanh nghiệp.

8.2.3. Chính sách lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi ưu đãi

Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương trên cơ sở đánh giá kết quả công việc theo mô tả công việc và tiêu chuẩn công việc, khả năng, kinh nghiệm và năng lực của từng cán bộ công nhân viên đóng góp cho Công ty. Người lao động được trả lương theo thời gian tháng trừ các trường hợp đặc biệt sẽ do Tổng Giám đốc công ty quyết định và được ghi rõ trong Hợp đồng lao động. Hàng năm, căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh và chủ trương của Ban điều hành, Công ty đều tiến hành rà soát, điều chỉnh các quy định trả lương kịp thời để tiền lương thực sự là đòn bẩy cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Mức tăng lương hàng năm dựa vào thành tích của nhân viên và kết quả kinh doanh của Công ty.

Chính sách khen thưởng: Công ty hàng năm có thưởng khuyến khích tăng năng suất lao động và thưởng hàng năm.

Thưởng khuyến khích tăng năng suất lao động được áp dụng cho công nhân trực tiếp sản xuất, nhóm trưởng/tổ trưởng sản xuất, trưởng ca khi hoàn thành hoặc vượt năng suất, khi đạt được tiêu chuẩn đánh giá riêng của từng Nhà máy, từng bộ phận trong từng giai đoạn khác nhau với các mức thưởng khác nhau và được điều chỉnh theo từng thời điểm.

Thưởng hàng năm được căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh hàng năm của Công ty và mức độ hoàn thành công việc của người lao động, người sử dụng lao động thưởng cho người lao động làm việc tại Công ty tùy phòng ban, vị trí cụ thể, mức thưởng từ 0 – 06 tháng tiền lương.

Chính sách đối với người lao động: Đảm bảo người lao động trong Công ty được hưởng đầy đủ các chính sách, chế độ theo đúng quy định của Nhà nước và Thỏa ước lao động tập thể. Quan tâm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tạo môi trường và điều kiện lao động thoải mái, hợp vệ sinh, tổ chức các phong trào văn thể... tạo không khí vui tươi phấn khởi. Ngoài ra người lao động còn được hưởng một số hỗ trợ khác như sinh đẻ, hiếu hỉ, sinh nhật, ..., mức hỗ trợ được thay đổi theo từng thời kỳ phù hợp với tình hình thực tế.

Công ty luôn thực hiện đầy đủ, nghiêm túc việc trích nộp BHYT, BHXH, BHTN và thanh toán kịp thời các chế độ Bảo hiểm theo quy định của Pháp luật.

8.2.4. Mức lương bình quân

Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2016 là 10.600.000 đồng/người/tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

9. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị Công ty đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Cổ tức được xác định căn cứ vào lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi nộp đầy đủ các khoản thuế, thanh toán các khoản nợ đến hạn, trích lập các quỹ và bù đắp các khoản lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Cổ tức chỉ được trả ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.
- Mức cổ tức đối với từng loại cổ phần và hình thức trả cổ tức do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên. HĐQT có thể quyết định tạm ứng cổ tức mỗi quý hoặc hai quý một lần nếu xét thấy việc tạm ứng này phù hợp với khả năng sinh lợi và tình hình kinh doanh của Công ty, nhưng phải báo cáo để ĐHĐCĐ xem xét tại cuộc họp thường niên khi kết thúc năm tài chính.

Năm 2016 là năm đầu tiên Công ty hoạt động theo loại hình công ty cổ phần sau cổ phần hóa. Toàn bộ lợi nhuận năm 2015 (đến ngày 24/12/2015) đã được chuyển về cho Nhà nước theo quy định cổ phần hóa. Vì vậy, trong năm 2016, Công ty không thực hiện chi trả cổ tức.

10. Tình hình tài chính

10.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

10.1.1 Trích khấu hao Tài sản cố định

a. Tài sản cố định hữu hình

- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến.
- Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.
- Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	05 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 – 06 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

b. Tài sản cố định vô hình

Quyền khai thác

Chi phí để có được quyền khai thác tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng 8 năm.

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

10.1.2 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc kế ước tiền vay. Công ty hiện không có khoản nợ quá hạn.

10.1.3 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành.

10.1.4 Trích lập các quỹ theo luật định

Việc trích lập các quỹ theo yêu cầu của pháp luật đã được duy trì phù hợp với Điều lệ và pháp luật áp dụng.

10.1.5 Tình hình công nợ hiện nay

a. Các khoản phải thu

Chỉ tiêu	Đơn vị: đồng	
	31/12/2015	31/12/2016
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.414.767.002	1.977.148.305
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.003.399.380	752.080.682
Trả trước cho người bán ngắn hạn	16.800.000	404.520.000
Phải thu ngắn hạn khác	394.567.622	820.547.623

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 của CTCP Nước khoáng Quảng Ninh

b. Các khoản phải trả

Chỉ tiêu	Đơn vị: đồng	
	31/12/2015	31/12/2016
Nợ ngắn hạn	114.558.728.459	28.887.940.466

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

<i>Đơn vị: đồng</i>		
Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016
Phải trả người bán ngắn hạn	704.630.715	11.175.177.280
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	105.139.071	399.664.466
Thuế và các khoản nộp NN	2.686.676.970	4.074.426.414
Phải trả người lao động	15.589.594.248	4.360.309.049
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	8.107.458.013
Phải trả ngắn hạn khác	83.687.193.319	24.705.244
Quỹ khen thưởng phúc lợi	11.785.494.136	529.200.000
Nợ dài hạn	17.149.980.253	15.555.571.000
Phải trả người bán dài hạn	12.477.960.000	6.238.980.000
Phải trả dài hạn khác	4.672.020.253	2.068.458.000
Dự phòng phải trả dài hạn		7.248.133.000
Tổng cộng	131.708.708.712	44.443.511.466

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 của CTCP Nước khoáng Quảng Ninh

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	Giai đoạn 01/01/2015 - 24/12/2015	Giai đoạn 25/12/2015 - 31/12/2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,1	1,05	2,6
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,84	0,8	2,29
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Tỷ số nợ/Tổng tài sản	%	60,16	62,15	28,24
- Tỷ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	151,02	164,21	39,35
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho (*)	Vòng	9,92	-	13,59
- Doanh thu thuần/Tổng TSBQ (*)	Lần	2,19	-	2,03
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

Chỉ tiêu	ĐVT	Giai đoạn 01/01/2015 - 24/12/2015	Giai đoạn 25/12/2015 - 31/12/2015	Năm 2016
- Tỷ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (*)	%	6,78	-	8,89
- Tỷ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	31,07		34,58
- Tỷ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	14,82		18,09
- Hệ số lợi nhuận từ HĐSXKD/DTT (*)	%	8,64%	-	10,80

Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn 01/01/2015-24/12/2015 của Công ty TNHH MTV Nước khoáng và TMDV Quảng Ninh, BCTC kiểm toán giai đoạn 25/12/2015-31/12/2015 và BCTC kiểm toán năm 2016 của CTCP Nước khoáng Quảng Ninh

() Do giai đoạn 25/12/2015-31/12/2015 Công ty không có Doanh thu thuần, Giá vốn hàng bán và Lợi nhuận từ Hoạt động sản xuất kinh doanh nên không tính các chỉ tiêu này.*

11. Tài sản

Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2016:

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
I	TSCĐ hữu hình	63.818.942.677	31.702.464.514	49,68%
1	Nhà cửa vật kiến trúc	28.109.739.854	15.860.196.725	56,42%
2	Máy móc thiết bị	29.256.030.708	13.095.348.672	44,76%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6.351.083.752	2.724.983.065	42,91%
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	102.088.363	21.936.052	21,49%
II	TSCĐ vô hình	17.380.197.798	12.634.992.491	72,70%
1	Quyền khai thác	15.767.950.000	11.528.550.000	73,11%
2	Phần mềm máy vi tính	1.612.247.798	1.106.442.491	68,63%
	Tổng cộng	81.199.140.475	44.337.457.005	54,60%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 của CTCP Nước khoáng Quảng Ninh

Đất đai

Bảng: Danh sách mặt bằng Công ty hiện đang quản lý, sử dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

STT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích đất sử dụng (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Hình thức giao/thuê đất	Mục đích sử dụng đất	Thời hạn thuê đất
1	Văn phòng Công ty và Phân xưởng Suối Mơ 1 – Tổ 3A, khu 4, Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	2.856,1	2.209,4	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Trụ sở làm việc văn phòng Công ty và Phân xưởng sản xuất nước khoáng Suối Mơ	Thời hạn thuê đến 03/2029
2	Phân xưởng Suối Mơ 2 – Khu 8, Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	3.770	1.025,6	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Phân xưởng sản xuất nước khoáng Suối Mơ	Thời hạn thuê đến 08/2029
3	Phân xưởng Quang Hanh – Tổ 5, Khu 4B, Phường Quang Hanh, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	2.001	2.128,5	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Phân xưởng sản xuất nước khoáng Quang Hanh	Thời hạn thuê đến 03/2029
4	Khu phụ trợ sản xuất phân xưởng Quang Hanh - Tổ 3, Khu 4A, Phường Quang Hanh, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	5.176,6	1.008	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Nhà xưởng sản xuất nước khoáng Quang Hanh	Thời hạn thuê đến 10/07/2063
Tổng cộng		13.803,7	6.371,5			

Nguồn: CTCP Nước khoáng Quảng Ninh

12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức dự kiến năm tiếp theo

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017	
	Thực hiện (triệu đồng)	% tăng giảm so với cả năm 2015 (*)	Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2016
Vốn điều lệ	80.000	-	80.000	-
Doanh thu thuần	375.576	-	385.000	2,51%
Lợi nhuận sau thuế	33.402	-	35.000	4,78%

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017	
	Thực hiện (triệu đồng)	% tăng giảm so với cả năm 2015 (*)	Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2016
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	8,89%	-	9,09%	2,22%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	41,75%	-	43,75%	4,78%
Cổ tức		-	-	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ lần đầu CTCP Nước khoáng Quảng Ninh ngày 22/12/2015

(): Vì năm 2015 Công ty hoạt động theo hai hình thức doanh nghiệp nên không thực hiện so sánh*

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên được xây dựng trên cơ sở định hướng chiến lược phát triển của Công ty trong tương lai.

Công ty tập trung nguồn lực đủ mạnh cho công tác phát triển thị trường mới khu vực tỉnh ngoài bởi thị trường mới là một trong yếu tố quan trọng quyết định đến tốc độ phát triển của Công ty sau cổ phần hóa. Các vùng thị trường mới cần thực hiện phát triển hệ thống bán hàng theo mô hình nhà phân phối song song với thực hiện chính sách bán hàng linh hoạt.

Trong năm 2016 là do giá mua nguyên vật liệu năm 2016 ổn định và giảm hơn so với năm 2015. Bên cạnh đó Công ty thực hiện tốt công tác quản lý, tiết kiệm chi phí. Các nhân tố này góp phần đáng kể làm tăng lợi nhuận cho năm 2016.

Ngoài ra, Công ty tiếp tục thực hiện cải tiến, nâng cấp mẫu mã bao bì, chất lượng các sản phẩm truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu khối khách hàng sẵn có. Đồng thời Công ty cũng sẽ lựa chọn để tiếp tục duy trì những sản phẩm truyền thống chủ đạo, nhằm giữ vững thương hiệu và tính chất đặc thù riêng có của nước khoáng thiên nhiên Quang Hanh, làm cơ sở giữ vững niềm tin của người tiêu dùng.

Công ty tận dụng lợi thế riêng có của Công ty là nguồn nước khoáng có hàm lượng khoáng hóa cao Quang Hanh để tích cực nghiên cứu sản phẩm mới có giá trị thương mại tăng sản lượng sản phẩm bán ra.

Năm 2016, doanh thu thuần của Công ty là 375,6 tỷ đồng, chỉ đạt 87,34 % kế hoạch cả năm 2016 tuy nhiên lợi nhuận sau thuế đã đạt 33,4 tỷ đồng, bằng 131,33% cùng kỳ năm 2015 và vượt 22,34%

kế hoạch cả năm 2016. Kết quả này cho thấy Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có.

14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

14.1. Kế hoạch tổ chức thị trường

a. Đối với thị trường truyền thống

Mục tiêu sau cổ phần hóa của Công ty là xây dựng các phương án và cơ chế hợp lý để giữ vững và ổn định các khu vực thị trường truyền thống. Đồng thời, Công ty phải nỗ lực thực hiện tốt công tác khách hàng làm cơ sở thực hiện các biện pháp đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm theo mục tiêu trong kỳ kế hoạch; từng bước hoàn thiện lại hệ thống phân phối phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu sản phẩm và xu thế thị trường.

b. Đối với các vùng thị trường mới khu vực tỉnh ngoài

Công ty xác định cần tập trung đủ mạnh cho công tác phát triển thị trường mới khu vực tỉnh ngoài bởi thị trường mới là một trong yếu tố quan trọng quyết định đến tốc độ phát triển của Công ty sau cổ phần. Các vùng thị trường mới cần thực hiện phát triển hệ thống bán hàng theo mô hình nhà phân phối, nhằm duy trì sự ổn định, tính bền vững và hiệu quả trong công tác đầu tư. Công ty cần có các cơ chế, nhân sự để thực hiện được việc kiểm soát và vận hành hệ thống phân phối qua đó mới chủ động kiểm soát và điều tiết thị trường theo mục tiêu trong các hoạt động bán hàng.

Ngoài ra, Công ty đặt ra mục tiêu xây dựng kế hoạch phát triển mở rộng thị trường từ Đà Nẵng trở vào, đây là những vùng thị trường thời tiết nóng nắng quanh năm, có tiềm năng rất cao trong việc tiêu thụ các sản phẩm từ nguồn nước khoáng Quang Hanh, tạo điều kiện duy trì công tác sản xuất liên tục cho Công ty trong những tháng mùa đông, góp phần thúc đẩy tốc độ phát triển cho Công ty sau cổ phần.

a. Thực hiện xúc tiến bán hàng

Bên cạnh việc xây dựng và thực hiện các hoạt động xúc tiến bán hàng theo kế hoạch, Công ty cần thực hiện chính sách bán hàng linh hoạt để kích thích khả năng tiêu thụ của các khách hàng (C1, C2, C3..) sau nhà phân phối; đồng thời phối hợp hiệu quả các hoạt động PR với các chương trình khuyến mại để người tiêu dùng nhận diện sản phẩm mới trong thời gian đã được xác định. Công ty sẽ xây dựng các chính sách chăm sóc khách hàng theo đặc tính vùng miền nhằm ổn định hệ thống phân phối và thị phần tiêu thụ sản phẩm.

Giai đoạn sau cổ phần hóa, Công ty sẽ thực hiện xây dựng chiến lược Marketing dài hạn, tập trung phát triển các yếu tố mang tính khác biệt nhằm tạo nên những giá trị to lớn có tính đột phá, nâng

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

cao giá trị doanh nghiệp, thương hiệu sản phẩm, sản lượng và doanh thu tiêu thụ, đặc biệt là sự gia tăng lợi nhuận, hiệu quả đầu tư cho Công ty sau cổ phần hóa.

14.2. Kế hoạch về sản phẩm

a. Đối với các sản phẩm truyền thống

Công ty tiếp tục thực hiện cải tiến, nâng cấp mẫu mã bao bì, chất lượng các sản phẩm truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu khối khách hàng sẵn có. Đồng thời Công ty cũng sẽ lựa chọn để tiếp tục duy trì những sản phẩm truyền thống chủ đạo, nhằm giữ vững thương hiệu và tính chất đặc thù riêng có của nước khoáng thiên nhiên Quang Hanh, làm cơ sở giữ vững niềm tin của người tiêu dùng, từ đó Công ty phát triển các sản phẩm mới có tính kế thừa từ các nguồn nước khoáng sẵn có mà Công ty đang quản lý khai thác.

b. Đối với công tác phát triển sản phẩm mới

Việc được quản lý khai thác và sản xuất các loại nước khoáng thiên nhiên từ nguồn nước khoáng có hàm lượng khoáng hóa cao Quang Hanh là một lợi thế riêng có của Công ty trong 26 năm qua. Đây cũng là điều kiện đủ quan trọng nhất để Công ty tập trung nghiên cứu sản xuất thêm các sản phẩm mới có giá trị thương mại cao trong giai đoạn sau cổ phần hóa. Các sản phẩm mới được sản xuất phải đáp ứng được xu thế tiêu dùng, lợi thế cạnh tranh và có tính kế thừa để đột phá. Việc phát triển sản phẩm mới có tính quyết định đến việc phát triển mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng doanh thu và lợi nhuận mục tiêu.

Sản phẩm mới sẽ được phát triển trên cơ sở đánh giá phân khúc khách hàng nhưng phải đảm bảo được yếu tố đặc thù riêng có của từng nguồn nước khoáng thiên nhiên mà Công ty đang quản lý khai thác.

Mục tiêu của Công ty đến năm 2017 là nghiên cứu sản xuất thêm 02 sản phẩm mới cao cấp có giá trị thương mại cao (một sản phẩm trên nguồn nước khoáng Suối Mơ và một sản phẩm trên nguồn nước khoáng Quang Hanh). Thực hiện đưa ra thương mại hóa sản phẩm mới từ năm 2018, trong đó đặc biệt quan tâm đến sản phẩm mới có giá trị thương mại cao được sản xuất trên nền nước khoáng thiên nhiên Suối Mơ tại nhà máy khoáng Suối Mơ 2.

14.3. Kế hoạch về tài chính

Sau cổ phần hóa Công ty thực hiện những biện pháp sau để ổn định tài chính cho sản xuất kinh doanh và có nguồn tài chính để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh:

- Chuẩn bị các điều kiện để tham gia kênh huy động vốn dài hạn trên thị trường chứng khoán, trong đó thực hiện chính sách tài chính minh bạch, rõ ràng làm cơ sở để phát hành cổ phiếu ra thị trường nhằm thu hút vốn đầu tư và kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

- Duy trì việc thực hiện quản lý tài chính theo pháp lệnh kế toán thống kê. Tranh thủ các chính sách về vay vốn, giảm thuế của Nhà nước cũng như các ưu đãi khác của địa phương trong lĩnh vực đầu tư, phát triển sản phẩm, xuất khẩu.

- Tận dụng triệt để các nguồn vốn tự có, thực hiện vay vốn đầu tư theo lộ trình tương ứng các giai đoạn đầu tư sao cho phù hợp với tốc độ phát triển, kết quả tiêu thụ theo kế hoạch đề ra nhằm hạn chế thấp nhất các khoản chi phí tài chính về vốn vay (thực hiện vay 50% tổng giá trị đầu tư theo kế hoạch).

- Tăng vòng quay vốn, nhất là vốn thuộc các sản phẩm có giá trị thương mại cao thông qua việc áp dụng linh hoạt các phương thức thanh toán đối với khách hàng. Phấn đấu tăng vòng quay vốn đầu tư cho bao bì luân chuyển thông qua công tác quản lý thu hồi và sử dụng bao bì luân chuyển để giảm vốn vay ngân hàng nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Đa dạng hóa các phương thức thanh toán linh hoạt đối với các nhà cung cấp, tận dụng tốt nhất khả năng có thể đối với nguồn vốn vật tư thông qua các nhà cung cấp nhưng vẫn đảm bảo an toàn tài chính cho Công ty, tập trung cho công tác mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty (nếu có)

Không có.

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thiệu Nam	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Không điều hành
2	Đặng Quốc Bình (Đến ngày 20/3/2017)	Thành viên Hội đồng Quản trị	Không điều hành
3	Đàm Sơn	Thành viên Hội đồng Quản trị	Điều hành
4	Trần Phương Bắc	Thành viên Hội đồng Quản trị	Không điều hành
5	Phạm Đình Toại	Thành viên Hội đồng Quản trị	Không điều hành
6	Ngô Văn Phước	Thành viên Hội đồng Quản trị	Không điều hành

1.1. Ông Nguyễn Thiệu Nam – Chủ tịch HĐQT

❖ Thông tin chung:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

- Họ và tên: Nguyễn Thiều Nam
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 11/12/1970
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Thương mại
 - ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Masan;
 - Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan;
 - Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Bất động sản Masan;
 - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Tập đoàn Baltic Titan;
 - Thành viên Hội đồng thành viên – Công ty TNHH Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo;
 - Chủ tịch công ty, Giám đốc – Công ty TNHH MTV Xây dựng Hoa Hướng Dương;
 - Chủ tịch Hội đồng Thành viên – Công ty TNHH MasanConsumerHoldings;
 - Chủ tịch Hội đồng Thành viên – Công ty TNHH Masan Brewery;
 - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan;
 - Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH MTV Masan Brewery Distribution;
 - Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH MTV Masan Brewery PY;
 - Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH MTV Masan Brewery HG;
 - Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH Masan Master Brewer.
 - ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 5.254.100 cổ phần, chiếm 65,7% vốn điều lệ
- Trong đó:
- Cổ phần đại diện sở hữu cho Công ty TNHH MTV Masan Beverage: 5.254.100 cổ phần
- Cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không có
 - ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không có

1.2. Ông Đặng Quốc Bình – Thành viên Hội đồng quản trị (đến ngày 20/3/2017)

- ❖ Thông tin chung:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

- Họ và tên: Đặng Quốc Bình
 - Ngày tháng năm sinh: 10/10/1956
 - Giới tính: Nam
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Bắc Giang
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
 - ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Chánh văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh.
 - ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty (đến ngày 20/3/2017): 1.152.900 cổ phần chiếm 14,41% vốn điều lệ
- Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu cho Tỉnh ủy Quảng Ninh: 1.152.900 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
 - ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
 - ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có

1.3. Đàm Sơn – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- ❖ Thông tin chung:
 - Họ và tên: Đàm Sơn
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 22/07/1959
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Hải Phòng
 - Trình độ: Kỹ sư Điện khí hóa XN
 - ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
 - ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 3.000 cổ phiếu
- Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
Cổ phần cá nhân sở hữu: 3.000 cổ phiếu
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có

- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 6.700 cổ phiếu,
- Mỗi quan hệ: Em – Đàm Thị Bích Thu, nắm giữ: 6.600 cổ phiếu
- Mỗi quan hệ: Con – Đàm Thị Thu Giang, nắm giữ: 100 cổ phiếu

1.4. Ông Trần Phương Bắc – Thành viên Hội đồng quản trị

- ❖ Thông tin chung:
 - Họ và tên: Trần Phương Bắc
 - Ngày tháng năm sinh: 25/01/1974
 - Giới tính: Nam
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Trà Vinh
 - Trình độ: Thạc sĩ Luật
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Luật sư trưởng – Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan;
 - Ban Giám đốc – Masan Consumer (Thailand) Limited;
 - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN;
 - Chủ tịch Hội đồng thành viên – Công ty TNHH Shika;
 - Chủ tịch công ty, Giám đốc – Công ty TNHH Kenji;
 - Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Meiji.

❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: không có

Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: không có

Cổ phần cá nhân sở hữu: không có

- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có

1.5. Ông Phạm Đình Toại – Thành viên Hội đồng quản trị

- ❖ Thông tin chung:
 - Họ và tên: Phạm Đình Toại

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

- Ngày tháng năm sinh: 28/09/1967
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vĩnh Phúc
- Trình độ: Cử nhân Tài chính Kế toán, Cử nhân Công nghệ thông tin
 - ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
 - Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Masan
 - Phó Tổng Giám đốc – Công ty TNHH MasanConsumerHoldings
 - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
 - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa
 - Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn
 - Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan
 - ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: không có
 - ❖ Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: không có
Cổ phần cá nhân sở hữu: không có
 - ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
 - ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
 - ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có

1.6. Ông Ngô Văn Phước – Thành viên Hội đồng quản trị

- ❖ Thông tin chung:
 - Họ và tên: Ngô Văn Phước
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 22/12/1971
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Trình độ: Cử nhân Tài chính Kế toán
 - ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

- Giám đốc Phát triển Khách hàng Cấp cao Toàn quốc và Giám đốc Kinh doanh Kênh Truyền thống Ngành hàng Thực phẩm/Café/ Ngũ cốc – Khu vực Miền Bắc - Công ty cổ phần Hàng Tiêu dùng Masan
 - ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: không có
 - ❖ Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: không có
Cổ phần cá nhân sở hữu: không có
 - ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
 - ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
 - ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có

1.7. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a. Tình hình kinh doanh và những thành tựu chính Công ty đã đạt được trong năm 2016:

Trong năm 2016, Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh đã đạt được những kết quả kinh doanh như sau:

- Doanh thu thuần: 375.575.942.381 VNĐ, tăng trưởng 0,3% so với năm 2015, đạt 87,3% so với kế hoạch
- Lợi nhuận sau thuế riêng của Công ty: 33.401.989.255 VNĐ, tăng trưởng 31,3% so với năm 2015, vượt 22,3% so với kế hoạch

Trong năm 2016, mặc dù doanh thu của Công ty gần như không tăng trưởng, nhưng nhờ cắt giảm các chi phí và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn mà lợi nhuận sau thuế đã vượt so với kế hoạch đặt ra.

Ngoài ra, năm 2016 Công ty tập trung vào việc mở rộng hệ thống phân phối cũng như cơ cấu lại bộ máy tổ chức của Công ty.

b. Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2016:

Trong năm 2016, Hội đồng Quản trị đã thực hiện:

- Giám sát, chỉ đạo Ban điều hành trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

- Phối hợp chặt chẽ với Tổng Giám đốc và Ban điều hành để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các yêu cầu kinh doanh cho Công ty;
- Quyết định việc cơ cấu lại mô hình kinh doanh và cơ cấu tổ chức của Công ty, mang lại hiệu quả trong công tác quản lý;
- Trong năm 2016, Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt mức thù lao: Chủ tịch Hội đồng Quản trị là 30.000.000 đồng/ tháng/ người; các thành viên Hội đồng Quản trị là 20.000.000 đồng/ tháng/ người. Tuy nhiên, một số thành viên Hội đồng Quản trị không nhận thù lao. Tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị trong năm 2016 là 655.000.000 đồng.
- Các quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty được ban hành trong năm 2016:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1.	44/2016/NQ-HĐQT	29/3/2016	Thông qua các giao dịch nội bộ.
2.	107/2016/NQ-HĐQT	15/4/2016	Thông qua: <ul style="list-style-type: none">- Kết quả kinh doanh Quý I/2016 của Công ty;- Kế hoạch và phương án kinh doanh năm 2016 của Công ty trên cơ sở triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;- Thông qua các quy chế, chính sách của Công ty;- Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc.
3.	01/2016/NQ-HĐQT	13/5/2016	Phê duyệt việc ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định lương thưởng của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm
4.	03/2016/NQ-HĐQT	28/10/2016	Thông qua việc đăng ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn giao dịch UpCom.
5.	04/2016/NQ-HĐQT	28/10/2016	Phê duyệt chia tách phòng kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

c. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành:

- Tổng Giám đốc và Ban điều hành của Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty;
- Tổng Giám đốc và Ban điều hành Công ty đã kịp thời cập nhật tình hình, đưa ra các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị phương án giải quyết;
- Tổng Giám đốc và Ban điều hành Công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ và hiệu quả các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội đồng Quản trị;
- Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã hoạt động tích cực, vận dụng hiệu quả các nguồn lực kinh doanh của Công ty.

d. Mục tiêu hoạt động năm 2017:

Năm 2017 được dự kiến sẽ là một năm có nhiều khó khăn và thách thức của Công ty về doanh số và sản lượng tiêu thụ; cùng với việc nâng cao công suất sản xuất và phát triển sản phẩm mang tính đa dạng, chất lượng.

- Năm 2017, Công ty tập trung vào đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, hiện đại hóa máy móc thiết bị tại các nhà máy, phân xưởng sản xuất của Công ty; đồng thời với việc đầu tư xây dựng nhà máy, cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị nhằm tìm kiếm cơ hội gia công các sản phẩm trong cùng tập đoàn Masan ở phía Bắc.
- Năm 2017, Công ty tiếp tục mở rộng phân phối trên phạm vi các tỉnh phía Bắc, đồng thời với việc tập trung vào các thị trường trọng điểm.
- Năm 2017, Công ty sẽ tung ra các sản phẩm mới được phát triển trên nền nước khoáng Quang Hanh cũng như phát triển các sản phẩm chủ lực với hai tiêu chí cốt lõi: vừa tốt cho sức khỏe người tiêu dùng và vừa giải khát sáng khoái.

Chúng tôi tin rằng với đội ngũ nhân lực tài năng, nhiều kinh nghiệm và đầy tâm huyết, chúng ta sẽ đạt được những kỳ vọng đã đặt ra trong năm 2017.

2. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phạm Thị Thùy Dương	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Nguyễn Thị Tuyết	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Đỗ Thị Hoàng Yên	Thành viên Ban Kiểm soát

Sơ yếu lý lịch thành viên BKS

2.1. Bà Phạm Thị Thùy Dương - Trưởng Ban Kiểm soát

❖ Thông tin chung:

- Họ và tên: Phạm Thị Thùy Dương
- Ngày tháng năm sinh: 21/01/1980
- Giới tính: Nữ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ: Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Kế toán Kiểm toán

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Trưởng Bộ phận Kế toán Quản trị Ngành hàng - Công ty cổ phần Hàng Tiêu dùng Masan;

❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: không có

Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: không có

Cổ phần cá nhân sở hữu: không có

❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có

❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có

❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có

2.2. Bà Nguyễn Thị Tuyết - Thành viên Ban Kiểm soát

❖ Thông tin chung:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết
- Ngày tháng năm sinh: 01/12/1968
- Giới tính: Nữ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ: Thạc sĩ Quản trị - Quản lý

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Trưởng phòng Tài chính ngân sách - Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh

❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty:

Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: không có

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

Cổ phần cá nhân sở hữu: không có

- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có

2.3. Bà Đỗ Thị Hoàng Yến – Thành viên Ban kiểm soát

❖ Thông tin chung:

- Họ và tên: Đỗ Thị Hoàng Yến
- Ngày tháng năm sinh: 31/10/1983
- Giới tính: Nữ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ: Cử nhân Luật

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Luật sư - Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan;
- Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty Cổ phần Masan;
- Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;
- Kiểm soát viên – Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan;
- Kiểm soát viên – Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage;
- Kiểm soát viên – Công ty TNHH Một thành viên Masan MB;
- Kiểm soát viên – Công ty TNHH Một thành viên Masan HG;
- Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Ma San PQ;
- Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Bất động sản Masan;
- Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Dịch vụ Toàn cầu Masan.

❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: không có

Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: không có

Cổ phần cá nhân sở hữu: không có

- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có

2.4. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

a. Hoạt động của ban Kiểm soát trong năm 2016:

Trong năm 2016, Ban Kiểm soát đã thực hiện:

- Tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý các hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT), Tổng Giám đốc (TGD) liên quan đến việc tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2016;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Xem xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.
- Trong năm 2016, Ban kiểm soát đã xem xét các hoạt động liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị công ty theo quy định.
- Năm 2016, ngoài thù lao được nhận theo phê duyệt của ĐHĐCĐ, hoạt động của Ban kiểm soát không phát sinh bất kỳ chi phí hoạt động nào.

b. Tình hình tài chính và tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2016:

(i) Bảng cân đối kế toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		75.068.990.344	120.605.219.525
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	60.736.050.776	88.840.528.558
Tiền	111		9.736.050.776	88.840.528.558
Các khoản tương đương tiền	112		51.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	2.500.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.500.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.977.148.305	1.414.767.002
Phải thu của khách hàng	131		752.080.682	1.003.399.380
Trả trước cho người bán	132		404.520.000	16.800.000
Phải thu khác	136	6	820.547.623	394.567.622
Hàng tồn kho	140	7	9.033.190.016	28.549.669.806
Hàng tồn kho	141		10.185.741.968	28.549.669.806
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.152.551.952)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		822.601.247	1.800.254.159
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		822.601.247	755.139.399
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	151		-	890.412.758
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	154.702.002
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		82.330.894.137	91.312.872.947
Tài sản cố định	220		44.337.457.005	55.377.234.994
Tài sản cố định hữu hình	221	8	31.702.464.514	37.555.481.378
<i>Nguyên giá</i>	222		63.818.942.677	63.982.374.978
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(32.116.478.163)	(26.426.893.600)
Tài sản cố định vô hình	227	9	12.634.992.491	17.821.753.616
<i>Nguyên giá</i>	228		17.380.197.798	20.749.816.362
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.745.205.307)	(2.928.062.746)
Tài sản dở dang dài hạn	240		329.109.979	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	329.109.979	-
Tài sản dài hạn khác	260		37.664.327.153	35.935.637.953
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	36.290.309.292	35.935.637.953
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	1.374.017.861	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		157.399.884.481	211.918.092.472

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		44.443.511.466	131.708.708.712
Nợ ngắn hạn	310		28.887.940.466	114.558.728.459
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	11.175.177.280	704.630.715
Người mua trả tiền trước	312		399.664.466	105.139.071
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	4.074.426.414	2.686.676.970
Phải trả người lao động	314		4.360.309.049	15.589.594.248
Chi phí phải trả	315	15	8.107.458.013	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	241.705.244	83.687.193.319
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	529.200.000	11.785.494.136
Nợ dài hạn	330		15.555.571.000	17.149.980.253
Phải trả người bán dài hạn	331	13	6.238.980.000	12.477.960.000
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	2.068.458.000	4.672.020.253
Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	7.248.133.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		112.956.373.015	80.209.383.760
Vốn chủ sở hữu	410	19	112.956.373.015	80.209.383.760
Vốn cổ phần	411	20	80.000.000.000	80.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	20	176.083.000	176.683.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.780.290.015	33.300.760
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm/kỳ trước</i>	421a		33.300.760	-
- <i>LNST chưa phân phối năm/kỳ này</i>	421b		32.746.989.255	33.300.760
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		157.399.884.481	211.918.092.472

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

(ii) Kết quả hoạt động kinh doanh:

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND	Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND
Doanh thu bán hàng	01	22	398.431.918.238	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	22.855.975.857	-
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	22	375.575.942.381	-
Giá vốn hàng bán	11	23	255.315.998.699	-
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		120.259.943.682	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	958.170.080	42.711.463
Chi phí tài chính	22		109.653.299	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		109.653.299	-
Chi phí bán hàng	25	25	58.988.341.324	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	21.546.534.838	18.182
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		40.573.584.301	42.693.281
Thu nhập khác	31		1.683.695.196	-
Chi phí khác	32		463.441.550	-
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.220.253.646	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		41.793.837.947	42.693.281
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	9.765.866.553	9.392.521
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	28	(1.374.017.861)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		33.401.989.255	33.300.760
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	4.175	217

c. Đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016:

Các số liệu về tình hình tài chính và tình hình hoạt động kinh doanh năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán theo quy định của Bộ Tài chính (do Công ty TNHH KPMG thực hiện và xác nhận), đã có hồ sơ kiểm toán lưu tại Công ty, các số liệu đảm bảo chính xác.

(i) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Sản lượng sản xuất: 63,93 triệu lít, giảm 7,48% so với kế hoạch
- Sản lượng tiêu thụ: 63,75 triệu lít, giảm 7,74% so với kế hoạch
- Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2016: 378.218 triệu đồng, giảm 12,08% so với kế hoạch
- Tổng lợi nhuận trước thuế 41.794 triệu đồng, tăng 19,4% so với kế hoạch
- Nộp ngân sách nhà nước 36.480 triệu đồng.

(ii) Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

- Khả năng thanh toán nợ đến hạn: 2,6 lần
- Hệ số bảo toàn vốn: 1,4 lần
- Năm 2016, Công ty kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển được vốn của nhà đầu tư, tỷ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư đạt bình quân 34,58%.

(iii) Tình hình quản lý và sử dụng vốn và tài sản:

- Tình hình trích khấu hao tài sản: Trích đúng với các quy định của Bộ Tài chính.
- Tình hình công nợ phải thu đến kỳ báo cáo:
- Tổng số nợ phải thu: 752 triệu đồng, so với doanh thu tiền hàng phải thu trong năm chiếm tỷ lệ 0,2% rất nhỏ.
- Công ty đã thực hiện quản lý rất tốt công nợ phải thu, không có nợ xấu, nợ khó đòi, không có nợ quá hạn phải trả.
- Tình hình công nợ phải trả đến kỳ báo cáo:
- Tổng số nợ phải trả: 44.444 triệu đồng, trong đó: Nợ ngắn hạn phải trả: 28.888 triệu đồng; nợ dài hạn phải trả: 15.556 triệu đồng
- Các khoản công nợ phải trả Công ty đều cân đối được khả năng tài chính, không có khoản nợ phải trả quá hạn trong năm tài chính, không làm ảnh hưởng đến hoạt động tài chính của Công ty.

(iv) Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

- Ban Giám đốc Công ty đã chỉ đạo, điều hành nghiêm túc việc thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Nhà nước về kê khai, nộp thuế.
- Chấp hành tốt chế độ, chính sách và pháp luật của Nhà nước, tuân thủ và chấp hành đầy đủ các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương, bảo hiểm đối với người lao động và các chính sách khác...

(v) Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích, công tác xã hội trên địa bàn:

- Trong năm 2016, Công ty thực hiện tốt các nghĩa vụ, công tác xã hội trên địa bàn: Đảm bảo tốt vệ sinh môi trường trong và xung quanh các đơn vị sản xuất của Công ty, đảm bảo xanh, sạch đẹp; Công ty luôn tích cực tham gia các hoạt động xã hội, ủng hộ đồng bào các địa phương bị ảnh hưởng do bão lụt, đóng góp các quỹ ủng hộ nạn nhân chất độc màu da cam, quỹ vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ khuyến học, tham gia ủng hộ xây dựng khu Đài tưởng niệm các liệt sỹ Gạc ma với số tiền trên 70 triệu đồng.
- Trong dịp tết nguyên đán 2017, Công ty đã trợ cấp khó khăn cho người lao động trong Công ty 21 trường hợp với giá trị gần 30 triệu đồng.

d. Nhận xét về công tác quản lý công ty của HĐQT năm 2016:

- Năm 2016, HĐQT cơ bản đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- HĐQT đã có những hoạt động chỉ đạo, phối hợp hiệu quả với TGD để giải quyết nhanh chóng các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty;
- Các Nghị quyết của HĐQT được ban hành phù hợp với thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

e. Nhận xét công tác điều hành công ty của Tổng Giám đốc năm 2016:

- Năm 2016, TGD đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty, triển khai thực hiện đầy đủ và kịp thời, hiệu quả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT; chủ động lập kế hoạch, điều hành sản xuất kinh doanh; củng cố bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty tinh gọn, hiệu quả.
- Cùng với TGD, Ban điều hành Công ty có sự phối hợp chặt chẽ, chủ động, tích cực trong tìm kiếm giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

f. Kết luận:

- Các hoạt động của Công ty trong năm 2016 về cơ bản tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Trong năm 2016, Ban Kiểm soát chưa tìm thấy dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

3. Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đàm Sơn	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Hữu Chính	Phó Tổng Giám đốc
3	Huỳnh Ngọc Bảo	Phó Tổng Giám đốc
4	Đỗ Quốc Bình	Phó Tổng Giám đốc
5	Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Tổng Giám đốc

3.1. Ông Đàm Sơn - Tổng Giám đốc được trình bày tại mục 1.3 phần II

3.2. Ông Nguyễn Hữu Chính – Phó Tổng Giám đốc

❖ Thông tin chung:

- Họ và tên: Nguyễn Hữu Chính
- Ngày tháng năm sinh: 09/03/1966
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thụy Duyên, Thái Thụy, Thái Bình
- Trình độ: Cử nhân kinh tế ngành Kinh tế lao động

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có

❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 6.700 cổ phần chiếm 0,08% vốn điều lệ

Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

Cổ phần cá nhân sở hữu: 6.700 cổ phần

- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 6.300 cổ phần
 - Mỗi quan hệ: Em – Nguyễn Hữu Mỹ, nắm giữ: 3.000 cổ phiếu
 - Mỗi quan hệ: Vợ – Nguyễn Thị Mên, nắm giữ: 3.300 cổ phiếu

3.3. Ông Huỳnh Ngọc Bảo – Phó Tổng Giám đốc

- ❖ Thông tin chung:
 - Họ và tên: Huỳnh Ngọc Bảo
 - Ngày tháng năm sinh: 29/04/1974
 - Giới tính: Nam
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Trình độ: Kỹ sư chế tạo máy chuyên ngành tự động hóa; Thạc sĩ: Kỹ thuật Công nghiệp và Sản xuất, chuyên ngành Quản lý chuỗi cung ứng.
 - ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Phó Giám đốc Kế hoạch cung ứng Masan Consumer
 - ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: không có
 - Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: không có
 - Cổ phần cá nhân sở hữu: không có
 - Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
 - ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có

3.4. Ông Đỗ Quốc Bình - Phó Tổng Giám đốc

- ❖ Thông tin chung:
 - Họ và tên: Đỗ Quốc Bình
 - Ngày tháng năm sinh: 18/12/1962
 - Giới tính: Nam
 - Quốc tịch: Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải Dương
- Trình độ:
 - + Văn hóa: 12/12
 - + Chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Quản trị kinh doanh Công nghiệp
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 3.400 cổ phần chiếm 0,04% vốn điều lệ
Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu: không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 400 cổ phần
- Mối quan hệ: Con – Đỗ Quý Dương, nắm giữ: 400 cổ phiếu

3.5. Bà Phạm Thị Thu Hương – Kế toán trưởng

- ❖ Thông tin chung:
 - Họ và tên: Phạm Thị Thu Hương
 - Ngày tháng năm sinh: 18/10/1974
 - Giới tính: Nữ
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Trình độ: Cử nhân khoa học ngành tin học, Cử nhân kinh tế ngành Kế toán
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 6.900 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ
Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu: 6.900 cổ phần
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 1.200 cổ phần
- Mối quan hệ: Em – Phạm Thị Hậu, nắm giữ: 1.200 cổ phiếu

3.6. Báo cáo của Ban điều hành:

a. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

Năm 2016 là năm đầu tiên Công ty thực hiện mô hình chuyển đổi quản lý doanh nghiệp theo cơ chế cổ phần, cũng là năm tiền đề với nhiều thay đổi, thử thách. Song, với sự nỗ lực, cố gắng của toàn bộ tập thể các cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh vẫn giữ được sự phát triển ổn định, vững chắc, khẳng định được vai trò, vị thế sản phẩm trên thị trường.

Trong năm 2016, tình hình tiêu thụ sản phẩm nước giải khát nói chung và sản phẩm của Công ty nói riêng gặp nhiều khó khăn do một số nguyên nhân sau:

Thời tiết diễn biến phức tạp, mùa vụ chính tiêu thụ sản phẩm gặp mưa bão kéo dài làm ảnh hưởng đến nhu cầu của người tiêu dùng.

Sự cạnh tranh khốc liệt của nhiều loại sản phẩm nước giải khát: Các nhãn hiệu sản phẩm chanh muối với các mức chất lượng và giá bán khác nhau liên tục xuất hiện trên thị trường. Đặc biệt là các loại hàng kém chất lượng, làm nhái theo sản phẩm Faith-Chanh muối, giá rẻ bán tràn lan trên thị trường làm cho người tiêu dùng mất lòng tin về sản phẩm chanh muối nói chung đồng thời làm nhiều thông tin về sản phẩm Faith-Chanh muối nói riêng gây ảnh hưởng không nhỏ tới việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

Mặc dù gặp những khó khăn về thời tiết, về sự cạnh tranh của sản phẩm cùng loại nhưng Công ty vẫn duy trì được nguồn khách hàng ở những thị trường truyền thống, phát triển được nguồn khách hàng ở những thị trường mục tiêu và giữ được ổn định thị trường tiêu thụ. Thực hiện linh hoạt trong chính sách phân phối cũng như bám sát những mục tiêu trong chăm sóc khách hàng. Đảm bảo an toàn trong vận chuyển hàng hoá. Cùng với truyền thống đoàn kết trong toàn Công ty nên cơ bản Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu cơ bản đã đề ra.

Sản lượng sản xuất và tiêu thụ: 63,8 triệu lít nước khoáng các loại

Doanh thu: 375,6 tỷ đồng = 100,27% so với năm 2015

Lợi nhuận sau thuế: 33,40 tỷ đồng = 131,31% so với năm 2015

Trong năm 2016 chỉ tiêu doanh thu của Công ty tăng trưởng không nhiều, nhưng lợi nhuận sau thuế tăng đáng kể là do Công ty thực hiện tốt công tác quản lý, tiết kiệm chi phí.

Chúng tôi tin tưởng rằng với nền tảng này sẽ tạo tiền đề cho năm 2017 và những năm sắp tới Công ty sẽ phát triển về doanh thu và lợi nhuận sẽ được tăng theo.

b. Hoạt động của Ban điều hành trong năm 2016

Trong năm 2016, Ban điều hành đã thực hiện:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

- Giám sát, chỉ đạo các cán bộ quản lý thuộc Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị để đề ra các định hướng cũng như giải quyết các yêu cầu kinh doanh cho Công ty;
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị quyết định việc cơ cấu mô hình kinh doanh và cơ cấu tổ chức của Công ty mang lại hiệu quả trong công tác quản lý;

c. Mục tiêu hoạt động kinh doanh năm 2017

Năm 2017 chúng tôi tin tưởng rằng với việc đầu tư của mình cho sản phẩm mới, năng lực sản xuất gia tăng, thị trường mở rộng, sức mạnh thương hiệu được củng cố, hệ thống bán hàng và các kênh phân phối được tăng cường. Đội ngũ lãnh đạo quyết tâm trong chỉ đạo điều hành công ty sẽ đạt được các chỉ tiêu kinh tế như mong đợi. Năm 2017 phấn đấu:

Doanh thu: Cam kết 385 tỷ đồng; Mong muốn: 420 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế: Cam kết: 35 tỷ đồng; Mong muốn: 42 tỷ đồng

Biện pháp thực hiện

- *Về chính sách nhân sự:* Từng bước đưa vào áp dụng chỉ số đánh giá thực hiện công việc (KPI) để đảm bảo người lao động thực hiện đúng các trách nhiệm của từng vị trí chức danh cụ thể, qua đó nâng cao hiệu quả của thực hiện công việc, góp phần làm cho việc đánh giá thực hiện công việc trở nên minh bạch, rõ ràng, cụ thể, công bằng và hiệu quả hơn.
- *Về đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị:*
 - Năm 2017, Công ty có kế hoạch phát triển 2 sản phẩm mới được sản xuất tại Phân xưởng Suối Mơ. Với năng lực thiết bị, mặt bằng như kho hiện có mà sản phẩm phát triển được như kỳ vọng thì khả năng năng lực sản xuất sẽ không đáp ứng kịp. Với kế hoạch này, Công ty sẽ căn cứ vào khả năng tiêu thụ để có đề xuất đầu tư cụ thể. Trước mắt sử dụng thiết bị hiện có và đầu tư thêm một số thiết bị: Hệ thống lọc, máy bắn date, máy dán thùng.
 - Xây dựng Nhà điều hành và phòng Lab, thiết bị phòng lab, máy phóng nhân tự động tại phân xưởng Quang Hanh và nâng cấp một số hạng mục nhà xưởng nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất.
- *Định hướng phát triển thị trường:*

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

- Thực hiện tái cấu trúc lại thị trường nhằm xây dựng được Hệ thống bán hàng theo mô hình Nhà Phân Phối để phát triển theo hướng sâu - rộng và vững bền trước xu thế cạnh tranh ngày càng cao.
- Thực hiện mô hình nhà Phân phối, Đại lý trực thuộc công ty. Xây dựng các hoạt động bán hàng khách sỉ nhằm kiểm soát được khách sỉ thông qua nhà phân phối với các chương trình hỗ trợ thúc đẩy bán hàng theo cam kết trực tiếp với Công ty.
- Trên cơ sở đặc tính sản phẩm và tính chất mùa vụ, tập trung khai thác triệt để khả năng tiêu thụ có thể để thực hiện chỉ tiêu kinh doanh và hạn chế thấp nhất sự cạnh tranh xâm lấn của các sản phẩm đồng dạng.
- Thực hiện các hoạt động tái tung các sản phẩm chủ đạo hiện hữu trên cơ sở kiểm soát được giá trị thương mại nhằm đảm bảo được lợi nhuận mục tiêu. Tái cấu trúc nhằm xây dựng được một Hệ thống khỏe, đủ năng lực cạnh tranh, tin tưởng, gắn bó và luôn tập trung nguồn lực hợp tác kinh doanh cùng Công ty.
- Thực hiện các hoạt động xúc tiến hỗ trợ bán hàng một cách hiệu quả, linh hoạt, đúng thời điểm và đủ mạnh để thúc đẩy bán hàng.
- Năm 2017, Công ty sẽ tung ra ra sản phẩm mới được phát triển trên nền nước khoáng Quang hanh với tiêu chí: Dễ uống vừa giải khát vừa tốt cho sức khỏe người tiêu dùng.

Chúng tôi tin rằng với đội ngũ nhân lực kinh nghiệm và đầy tâm huyết, định hướng đúng đắn trong sản xuất và kinh doanh, chúng ta sẽ đạt được những kỳ vọng đặt ra trong năm 2017.

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016 (ĐÃ KIỂM TOÁN)



**Công ty Cổ phần Nước khoáng
Quảng Ninh**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký doanh nghiệp số 5700379618

ngày 1 tháng 9 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 5700379618 ngày 25 tháng 12 năm 2015. Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thiệu Nam	Chủ tịch
Ông Phạm Đình Toại	Thành viên
Ông Ngô Văn Phước	Thành viên
Ông Trần Phương Bắc	Thành viên
Ông Đàm Sơn	Thành viên
Ông Đặng Quốc Bình	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đàm Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Chính	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quốc Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Ngọc Bảo	Phó Tổng Giám đốc

(từ ngày 20 tháng 4 năm 2016)

Trụ sở đăng ký

Tổ 3A, Khu 4
Phố Suối Mơ
Phường Bãi Cháy
Thành phố Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.


Thay mặt Ban Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NƯỚC KHOÁNG
QUẢNG NINH
Đàm Sơn
Tổng Giám đốc

Tỉnh Quảng Ninh, ngày 15 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 12 năm 2015 (ngày Công ty chuyển đổi từ công ty TNHH một thành viên vốn nhà nước sang công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 31 tháng 3 năm 2016.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-940




Chong Kwang Puay

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0864-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2017

Chang Hung Chun

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0863-2013-007-1

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		75.068.990.344	120.605.219.525
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	60.736.050.776	88.840.528.558
Tiền	111		9.736.050.776	88.840.528.558
Các khoản tương đương tiền	112		51.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	2.500.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.500.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.977.148.305	1.414.767.002
Phải thu của khách hàng	131		752.080.682	1.003.399.380
Trả trước cho người bán	132		404.520.000	16.800.000
Phải thu khác	136	6	820.547.623	394.567.622
Hàng tồn kho	140	7	9.033.190.016	28.549.669.806
Hàng tồn kho	141		10.185.741.968	28.549.669.806
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.152.551.952)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		822.601.247	1.800.254.159
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		822.601.247	755.139.399
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	151		-	890.412.758
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	154.702.002
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		82.330.894.137	91.312.872.947
Tài sản cố định	220		44.337.457.005	55.377.234.994
Tài sản cố định hữu hình	221	8	31.702.464.514	37.555.481.378
Nguyên giá	222		63.818.942.677	63.982.374.978
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.116.478.163)	(26.426.893.600)
Tài sản cố định vô hình	227	9	12.634.992.491	17.821.753.616
Nguyên giá	228		17.380.197.798	20.749.816.362
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.745.205.307)	(2.928.062.746)
Tài sản dở dang dài hạn	240		329.109.979	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	329.109.979	-
Tài sản dài hạn khác	260		37.664.327.153	35.935.637.953
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	36.290.309.292	35.935.637.953
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	1.374.017.861	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		157.399.884.481	211.918.092.472

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		44.443.511.466	131.708.708.712
Nợ ngắn hạn	310		28.887.940.466	114.558.728.459
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	11.175.177.280	704.630.715
Người mua trả tiền trước	312		399.664.466	105.139.071
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	4.074.426.414	2.686.676.970
Phải trả người lao động	314		4.360.309.049	15.589.594.248
Chi phí phải trả	315	15	8.107.458.013	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	241.705.244	83.687.193.319
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	529.200.000	11.785.494.136
Nợ dài hạn	330		15.555.571.000	17.149.980.253
Phải trả người bán dài hạn	331	13	6.238.980.000	12.477.960.000
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	2.068.458.000	4.672.020.253
Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	7.248.133.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		112.956.373.015	80.209.383.760
Vốn chủ sở hữu	410	19	112.956.373.015	80.209.383.760
Vốn cổ phần	411	20	80.000.000.000	80.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	20	176.083.000	176.683.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.780.290.015	33.300.760
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm/kỳ trước	421a		33.300.760	-
- LNST chưa phân phối năm/kỳ này	421b		32.746.989.255	33.300.760
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		157.399.884.481	211.918.092.472

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Phùng Thị Yên
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán Trưởng



Đàm Sơn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND	Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND
Doanh thu bán hàng	01	22	398.431.918.238	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	22.855.975.857	-
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	22	375.575.942.381	-
Giá vốn hàng bán	11	23	255.315.998.699	-
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		120.259.943.682	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	958.170.080	42.711.463
Chi phí tài chính	22		109.653.299	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		109.653.299	-
Chi phí bán hàng	25	25	58.988.341.324	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	21.546.534.838	18.182
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		40.573.584.301	42.693.281
Thu nhập khác	31		1.683.695.196	-
Chi phí khác	32		463.441.550	-
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.220.253.646	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		41.793.837.947	42.693.281
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	9.765.866.553	9.392.521
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	28	(1.374.017.861)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		33.401.989.255	33.300.760
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	4.175	217

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Phùng Thị Yên
 Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương
 Kế toán Trưởng



Đàm Sơn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND	Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	41.793.837.947	42.693.281
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	9.397.907.672	-
Các khoản dự phòng	03	8.400.684.952	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(494.728.530)	(42.711.463)
Chi phí lãi vay	06	109.653.299	-
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	59.207.355.340	(18.182)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	679.155.679	595.502.267
Biến động hàng tồn kho	10	18.363.927.838	-
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(80.645.167.329)	100.734.165
Biến động chi phí trả trước	12	3.456.437.105	-
		1.061.708.633	696.218.250
Tiền lãi vay đã trả	14	(109.653.299)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.258.245.334)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(11.911.294.136)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(20.217.484.136)	696.218.250
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(6.228.468.777)	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	79.727.273	-
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(205.500.000.000)	-
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24	203.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	761.747.858	42.711.463
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(7.886.993.646)	42.711.463

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND	Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	5.721.041.707	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.721.041.707)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(28.104.477.782)	738.929.713
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm/kỳ	60	88.840.528.558	88.101.598.845
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm/kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	60.736.050.776	88.840.528.558

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Phùng Thị Yên
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán Trưởng



Đàm Sơn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một Thành viên Nước khoáng và Thương mại Dịch vụ Quảng Ninh theo Quyết định số 03-QĐ/TU ngày 19 tháng 10 năm 2015 do Tỉnh Ủy Quảng Ninh phê duyệt. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5700379618 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp và thay đổi lần thứ 7 vào ngày 25 tháng 12 năm 2015.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đồ uống không cồn và nước khoáng; khai thác, xử lý và cung cấp nước và xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 491 nhân viên (1/1/2016: 488 nhân viên).

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 được mang sang từ số liệu đã kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(c) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm/kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 6 năm

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền khai thác

Chi phí để có được quyền khai thác tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng 8 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(g) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí giải phóng mặt bằng

Chi phí giải phóng mặt bằng là chi phí bồi thường mà Công ty chi trả cho dân cư tại khu vực thuê mặt bằng. Chi phí giải phóng mặt bằng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm.

(ii) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 5 năm (bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web...). Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần).

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(k) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm/kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm/kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm/kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm/kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc năm/kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu bán hàng không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm thu nhập từ tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá.

Chi phí lãi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hoá và ghi vào nguyên giá các tài sản liên quan này.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm/kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

Lãi và lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm/kỳ.

(q) Báo cáo bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính, đó là sản xuất và kinh doanh đồ uống và trong một vùng địa lý, đó là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

Khi xem xét mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ và không chỉ đơn thuần là hình thức pháp lý.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.456.387.065	5.786.365.466
Tiền gửi ngân hàng	8.279.663.711	83.054.163.092
Các khoản tương đương tiền	51.000.000.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	<u>60.736.050.776</u>	<u>88.840.528.558</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

5. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	2.500.000.000	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	196.422.222	-
Ký quỹ ngắn hạn	484.880.000	-
Phải thu khác	139.245.401	394.567.622
	820.547.623	394.567.622

7. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	7.507.114.858	(1.152.551.952)	22.840.370.383	-
Công cụ và dụng cụ	2.203.397.820	-	3.594.722.655	-
Thành phẩm	295.970.199	-	2.114.576.768	-
Hàng hóa	179.259.091	-	-	-
	10.185.741.968	(1.152.551.952)	28.549.669.806	-

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm/kỳ như sau:

	Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND	Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND
Tăng dự phòng trong năm/kỳ và số dư cuối năm/kỳ	1.152.551.952	-

Bao gồm trong hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 1.153 triệu VND (1/1/2016: không) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	28.289.039.854	29.681.302.117	5.909.944.644	102.088.363	63.982.374.978
Tăng trong năm	(179.300.000)	931.909.000	725.712.000	-	1.657.621.000
Thanh lý	-	(1.277.980.409)	(284.572.892)	-	(1.741.853.301)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(79.200.000)	-	-	(79.200.000)
Số dư cuối năm	28.109.739.854	29.256.030.708	6.351.083.752	102.088.363	63.818.942.677
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	9.555.394.375	13.701.056.964	3.101.770.783	68.671.478	26.426.893.600
Khấu hao trong năm	2.801.365.572	3.384.884.508	690.538.128	11.480.833	6.888.269.041
Thanh lý	(107.216.818)	(925.259.436)	(166.208.224)	-	(1.198.684.478)
Số dư cuối năm	12.249.543.129	16.160.682.036	3.626.100.687	80.152.311	32.116.478.163
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	18.733.645.479	15.980.245.153	2.808.173.861	33.416.885	37.555.481.378
Số dư cuối năm	15.860.196.725	13.095.348.672	2.724.983.065	21.936.052	31.702.464.514

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty có các tài sản có nguyên giá là 169 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: Không), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Quyên khai khác VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	4.491.866.362	15.767.950.000	490.000.000	20.749.816.362
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1.122.247.798	1.122.247.798
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(4.491.866.362)	-	-	(4.491.866.362)
Số dư cuối năm	-	15.767.950.000	1.612.247.798	17.380.197.798
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	505.334.970	2.204.950.000	217.777.776	2.928.062.746
Khấu hao trong năm	187.161.100	2.034.450.000	288.027.531	2.509.638.631
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(692.496.070)	-	-	(692.496.070)
Số dư cuối năm	-	4.239.400.000	505.805.307	4.745.205.307
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	3.986.531.392	13.563.000.000	272.222.224	17.821.753.616
Số dư cuối năm	-	11.528.550.000	1.106.442.491	12.634.992.491

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty có các tài sản cố nguyên giá là 171 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 171 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND
Tăng trong năm	1.451.357.777
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.122.247.798)
Số dư cuối năm	<u>329.109.979</u>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Máy móc và thiết bị	329.109.979	-

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	-	31.343.711.533	4.591.926.420	35.935.637.953
Tăng trong năm	-	-	2.350.317.795	2.350.317.795
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	3.799.370.292	-	-	3.799.370.292
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	79.200.000	79.200.000
Phân bổ trong năm	(37.432.220)	(3.134.371.152)	(2.702.413.376)	(5.874.216.748)
Số dư cuối năm	<u>3.761.938.072</u>	<u>28.209.340.381</u>	<u>4.319.030.839</u>	<u>36.290.309.292</u>

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Chi phí phải trả và dự phòng	1.808.033.861	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Tài sản cố định	(434.016.000)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	1.374.017.861	-

13. Phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	11.175.177.280	704.630.715
Dài hạn	6.238.980.000	12.477.960.000
	17.414.157.280	13.182.590.715

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cán trừ VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	17.751.184	37.751.584.205	(17.191.090.415)	(19.935.668.719)	642.576.255
Thuế nhập khẩu	-	413.271.500	(413.271.500)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.384.703.848	9.765.866.553	(9.258.245.334)	-	2.892.325.067
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.759.193.999	(1.545.844.835)	(154.702.002)	58.647.162
Thuế tài nguyên	264.937.605	7.831.319.572	(7.628.472.518)	-	467.784.659
Thuế khác	19.284.333	437.072.217	(443.263.279)	-	13.093.271
	2.686.676.970	57.958.308.046	(36.480.187.881)	(20.090.370.721)	4.074.426.414

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí phải trả

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Thưởng và lương tháng 13	6.315.421.707	-
Chi phí quảng cáo khuyến mãi	1.319.505.600	-
Chi phí phải trả khác	472.530.706	-
	8.107.458.013	-
	8.107.458.013	-

16. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Kinh phí Công đoàn và bảo hiểm xã hội	177.216.619	1.866.795
Phải trả cổ phần hóa	-	81.604.798.989
Phải trả khác	64.488.625	2.080.527.535
	241.705.244	83.687.193.319
	241.705.244	83.687.193.319

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.068.458.000	4.672.020.253
	2.068.458.000	4.672.020.253
	2.068.458.000	4.672.020.253

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm/kỳ như sau:

	Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND	Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND
Số dư đầu năm/kỳ	11.785.494.136	11.785.494.136
Sử dụng trong năm/kỳ	(11.256.294.136)	-
Số dư cuối năm/kỳ	529.200.000	11.785.494.136

18. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm/kỳ như sau:

	Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND	Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND
Số trích lập trong năm/kỳ và số dư cuối năm/kỳ	7.248.133.000	-

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 25 tháng 12 năm 2015	80.000.000.000	176.083.000	-	80.176.083.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	33.300.760	33.300.760
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	80.000.000.000	176.083.000	33.300.760	80.209.383.760
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	33.401.989.255	33.401.989.255
Thanh toán thù lao cho Hội đồng quản trị	-	-	(655.000.000)	(655.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	80.000.000.000	176.083.000	32.780.290.015	112.956.373.015

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	80.000.000.000	8.000.000	80.000.000.000
Vốn cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	80.000.000.000	8.000.000	80.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	176.083.000	-	176.083.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm/kỳ.

21. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán.

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	1.202.179.014	-

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Năm kết thức ngày 31/12/2016 VND	Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm và hàng hóa	398.431.918.238	-
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	22.855.975.857	-
Doanh thu thuần	375.575.942.381	-

23. Giá vốn hàng bán

	Năm kết thức ngày 31/12/2016 VND	Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm và hàng hóa đã bán	254.163.446.747	-
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.152.551.952	-
	255.315.998.699	-

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm kết thức ngày 31/12/2016 VND	Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	958.170.080	42.711.463

25. Chi phí bán hàng

	Năm kết thức ngày 31/12/2016 VND	Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND
Chi phí nhân viên	21.884.520.916	-
Chi phí kho vận	18.269.034.067	-
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	12.797.926.878	-
Chi phí trung bày	455.061.713	-
Chi phí nghiên cứu thị trường	16.481.328	-
Chi phí bán hàng khác	5.565.316.422	-
	58.988.341.324	-

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thức ngày 31/12/2016 VND	Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND
Chi phí nhân viên	14.923.245.638	-
Chi phí khấu hao	961.188.265	-
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	62.600.749	-
Chi phí nghiên cứu và phát triển	51.203.360	-
Chi phí quản lý khác	5.548.296.826	18.182
	21.546.534.838	18.182

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Năm kết thức ngày 31/12/2016 VND	Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	177.124.512.358	-
Chi phí nhân viên	78.648.133.000	-
Chi phí khấu hao và phân bổ	9.397.907.672	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.658.992.733	-
Chi phí khác	18.346.649.080	18.182

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Năm kết thức ngày 31/12/2016 VND	Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	9.765.866.553	9.392.521
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.374.017.861)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	8.391.848.692	9.392.521

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Năm kết thức ngày 31/12/2016 VND	Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	41.793.837.947	42.693.281
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	8.358.767.589	9.392.521
Chi phí không được khấu trừ thuế	33.081.103	-
	8.391.848.692	9.392.521

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế (giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015: 22%).

29. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 12 năm 2015 đến 31 tháng 12 năm 2015) được dựa trên lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng cho năm/kỳ kế toán là 33.401.989.255 VND (giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015: 33.300.760 VND) và số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành là 8.000.000 cổ phiếu (giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015: 153.425 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Năm kết thức ngày 31/12/2016 VND	Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	33.401.989.255	33.300.760

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Năm kết thức ngày 31/12/2016 VND	Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cuối năm/kỳ	8.000.000	153.425

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm kết thức ngày 31/12/2016 VND	Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.175	217

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày báo cáo, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm/kỳ như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Năm kết thức ngày 31/12/2016 VND	Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND
Công ty mẹ của công ty mẹ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan Mua hàng hóa	47.844.291	-
Các công ty liên quan khác Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa Thành phẩm đã bán	6.772.989.600	-
Mua hàng hóa	75.890.579	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution Mua hàng hóa	80.588.504	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN Mua hàng hóa	5.212.742	-
Thành viên quản lý chủ chốt Thù lao	3.758.673.941	-

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với năm hiện tại về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán

	1/1/2016 (phân loại lại) VND	1/1/2016 (theo báo cáo trước đây) VND
Phả trả dài hạn khác	4.672.020.253	17.149.980.253
Phả trả người bán dài hạn	12.477.960.000	-

Các số liệu so sánh kỳ trước là cho giai đoạn kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2015 (ngày Công ty chuyển đổi từ mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên vốn nhà nước sang mô hình công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015. Do đó số liệu so sánh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh liên quan cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 12 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là không được so sánh với những số liệu của năm kế toán hiện tại.

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Phùng Thị Yến
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán Trưởng



Đàm Sơn
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 4 năm 2017

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH**



NGUYỄN THIỀU NAM

